

Số: 74/CV-VTS/2024

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN

GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 03/2024

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Công ty cổ phần chứng khoán Việt Thành xin báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 03/2024 như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	ADC	NHC		ADC
2	AME			AME
3	BDB			BDB
4	BSC			BSC
5	BST			BST
6	BVS			BVS
7	CAP			CAP
8	CPC			CPC
9	CTB			CTB
10	D11			D11
11	DAD			DAD
12	DAE			DAE
13	DHP			DHP
14	DHT			DHT
15	DNC			DNC
16	DNP			DNP
17	DTD			DTD
18	DXP			DXP

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
19	GMX			GMX
20	HAD			HAD
21	HBS			HBS
22	HCC			HCC
23	HJS			HJS
24	HLC			HLC
25	HLD			HLD
26	HOM			HOM
27	HTC			HTC
28	HUT			HUT
29	IDV			IDV
30	INC			INC
31	INN			INN
32	KST			KST
33	LBE			LBE
34	LHC			LHC
35	LIG			LIG
36	MBS			MBS
37	MCC			MCC
38	MCF			MCF
39	MDC			MDC
40	NAG			NAG
41	NBP			NBP
42	NET			NET
43	NFC			NFC
44	NHC			NTP
45	NTP			NVB
46	NVB			PBP

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
47	PBP			PCE
48	PCE			PMC
49	PMC			PMS
50	PMS			POT
51	POT			PPP
52	PPP			PSC
53	PSC			PSD
54	PSD			PSE
55	PSE			PSW
56	PSW			PTS
57	PTS			PVC
58	PVC			PVI
59	PVI			PVS
60	PVS			RCL
61	RCL			S55
62	S55			S99
63	S99			SAF
64	SAF			SD5
65	SD5			SD9
66	SD9			SDC
67	SDC			SDN
68	SDN			SGC
69	SGC			SHN
70	SHN			SJ1
71	SJ1			SLS
72	SLS			SMN
73	SMN			STC
74	STC			TA9

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
75	TA9			TDN
76	TDN			THD
77	THD			THS
78	THS			THT
79	THT			TIG
80	TIG			TNG
81	TNG			TTC
82	TTC			TV4
83	TV4			TVD
84	TVD			VBC
85	VBC			VC3
86	VC3			VC6
87	VC6			VC7
88	VC7			VCC
89	VCC			VCS
90	VCS			VGS
91	VGS			VNC
92	VNC			VNR
93	VNR			VTV
94	VTV			WCS
95	WCS			

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK TPHCM

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA	C32		AAA
2	ACB	C47		ACB
3	ACC	DQC		ACC
4	ACL	FCN		ACL
5	AGG	FIT		AGG
6	ANV	ICT		ANV
7	ASM	PTB		ASM
8	BBC	SAV		BBC
9	BCG	TLD		BCG
10	BFC			BFC
11	BIC			BIC
12	BID			BID
13	BMC			BMC
14	BMI			BMI
15	BMP			BMP
16	BRC			BRC
17	BSI			BSI
18	BTP			BTP
19	BTT			BTT
20	BVH			BVH
21	BWE			BWE
22	C32			CAV
23	C47			CCI
24	CAV			CCL
25	CCI			CDC
26	CCL			CII
27	CDC			CLC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
28	CII			CLL
29	CLC			CLW
30	CLL			CMG
31	CLW			CMV
32	CMG			CMX
33	CMV			CNG
34	CMX			COM
35	CNG			CRC
36	COM			CSM
37	CRC			CSV
38	CSM			CTD
39	CSV			CTF
40	CTD			CTG
41	CTF			CTS
42	CTG			CVT
43	CTS			D2D
44	CVT			DBC
45	D2D			DBD
46	DBC			DBT
47	DBD			DCL
48	DBT			DCM
49	DCL			DGC
50	DCM			DGW
51	DGC			DHA
52	DGW			DHC
53	DHA			DHG
54	DHC			DIG
55	DHG			DPG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
56	DIG			DPM
57	DPG			DPR
58	DPM			DRC
59	DPR			DSN
60	DQC			DTT
61	DRC			DVP
62	DSN			DXG
63	DTT			EIB
64	DVP			ELC
65	DXG			FCM
66	EIB			FMC
67	ELC			FPT
68	FCM			FTS
69	FCN			GAS
70	FIT			GDT
71	FMC			GEG
72	FPT			GEX
73	FTS			GMD
74	GAS			GSP
75	GDT			GTA
76	GEG			GVR
77	GEX			HAH
78	GMD			HAP
79	GSP			HAX
80	GTA			HCM
81	GVR			HDB
82	HAH			HDC
83	HAP			HDG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
84	HAX			HHS
85	HCM			HHV
86	HDB			HPG
87	HDC			HSG
88	HDG			HQC
89	HHS			HRC
90	HHV			HSL
91	HPG			HTI
92	HSG			HTL
93	HQC			HTN
94	HRC			HTV
95	HSL			HUB
96	HTI			HVH
97	HTL			IDI
98	HTN			IJC
99	HTV			ILB
100	HUB			IMP
101	HVH			ITC
102	ICT			KBC
103	IDI			KDC
104	IJC			KDH
105	ILB			KSB
106	IMP			L10
107	ITC			LBM
108	KBC			LCG
109	KDC			LGC
110	KDH			LIX
111	KSB			LSS
112	L10			MBB

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
113	LBM			MSN
114	LCG			MWG
115	LGC			NAF
116	LIX			NBB
117	LSS			NCT
118	MBB			NHA
119	MSN			NHH
120	MWG			NLG
121	NAF			NNC
122	NBB			NSC
123	NCT			NT2
124	NHA			NTL
125	NHH			OPC
126	NLG			PAC
127	NNC			PAN
128	NSC			PC1
129	NT2			PDN
130	NTL			PDR
131	OPC			PET
132	PAC			PGC
133	PAN			PGD
134	PC1			PGI
135	PDN			PHR
136	PDR			PJT
137	PET			PLX
138	PGC			PNJ
139	PGD			POW
140	PGI			PVD
141	PHR			PVT

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
142	PJT			RAL
143	PLX			REE
144	PNJ			SAB
145	POW			SAM
146	PTB			SBA
147	PVD			SBT
148	PVT			SC5
149	RAL			SCR
150	REE			SFG
151	SAB			SFI
152	SAM			SGN
153	SAV			SHA
154	SBA			SHB
155	SBT			SHI
156	SC5			SHP
157	SCR			SJS
158	SFG			SMB
159	SFI			SRC
160	SGN			SSC
161	SHA			SSI
162	SHB			ST8
163	SHI			STB
164	SHP			STK
165	SJS			SVC
166	SMB			SVI
167	SRC			SVT
168	SSC			SZC
169	SSI			SZL
170	ST8			TBC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
171	STB			TCB
172	STK			TCH
173	SVC			TCL
174	SVI			TCM
175	SVT			TCO
176	SZC			TCT
177	SZL			TDM
178	TBC			THG
179	TCB			TIP
180	TCH			TIX
181	TCL			TLG
182	TCM			TMP
183	TCO			TMS
184	TCT			TN1
185	TDM			TNC
186	THG			TPB
187	TIP			TRA
188	TIX			TRC
189	TLD			TV2
190	TLG			TVS
191	TMP			TVT
192	TMS			UIC
193	TN1			VIB
194	TNC			VCB
195	TPB			VCF
196	TRA			VCG
197	TRC			VCI
198	TV2			VDP
199	TVS			VGC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
200	TVT			VHC
201	UIC			VHM
202	VIB			VIX
203	VCB			VND
204	VCF			VNE
205	VCG			VNG
206	VCI			VNM
207	VDP			VPB
208	VGC			VPD
209	VHC			VPG
210	VHM			VPI
211	VIX			VRC
212	VND			VRE
213	VNE			VSC
214	VNG			VSI
215	VNM			VTB
216	VPB			VTO
217	VPD			YBM
218	VPG			
219	VPI			
220	VRC			
221	VRE			
222	VSC			
223	VSI			
224	VTB			
225	VTO			
226	YBM			

Đường link đăng tải thông tin nói trên tại website của công ty:

<http://vts.com.vn/hoat-dong-vts/danh-muc-chung-khoan-thuc-hien-ky-quy-thang-03-nam-2024/vi-VN/25/144840/75.aspx>

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

Người lập

(ký, ghi rõ họ tên)



LÊ HOÀNG QUÂN

Kiểm soát

(ký, ghi rõ họ tên)



HỒ TRẦN NGỌC ANH

TỔNG GIÁM ĐỐC

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



NGUYỄN THỊ CẨM VIÊN

